

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06-3-2025

*“V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Vũ Huy Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Đức Thủy và bà Phạm Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Minh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 130/2024/TLST-HNGĐ ngày 14-10-2024 về *“ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 14-02-2025, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: chị Vũ Thị Huyền T, sinh năm 1998.

Nơi ĐKKHKT: tổ 7, khu 1, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; Chỗ ở hiện nay: tổ 3, khu T, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

* Bị đơn: anh Vũ Văn S, sinh năm 1992.

Địa chỉ: tổ 7, khu 1, phường T, thành phố U, Quảng Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 11-8-2024, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vũ Thị Huyền T, đều có lời khai thể hiện:

Chị Vũ Thị Huyền T kết hôn tự nguyện với anh Vũ Văn S năm 2017 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố U. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ chồng tại tổ 7, khu 1, phường T, thành phố U. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi nhau, đánh nhau. Anh S thường xuyên rượu chè, không quan tâm chăm sóc vợ con. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng cho đến tháng 7 năm 2024

anh S bắt đầu có hành vi bạo lực đánh đập chị T do hiểu lầm chị T không chung thủy với anh S. Chính vì mâu thuẫn trầm trọng nên chị T và anh S đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2024 cho đến nay. Khi ly thân, chị T về sống cùng bố mẹ đẻ tại tổ 3, khu Trới 4, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, anh S sống cùng bố mẹ anh S tại tổ 7, khu 1, phường T, thành phố Uông Bí. Quá trình sống ly thân mỗi người một nơi không ai quan tâm đến ai. Chị T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: chị T và anh S có 02 con chung là Vũ Đức A, sinh ngày 26/4/2018 và Vũ Phú T1, sinh ngày 02/02/2020. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Phú T1, anh S được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Đức A, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung: chị T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05-12-2024 và tại phiên tòa, bị đơn anh Vũ Văn S đều có lời khai thể hiện:

Vợ chồng anh S, chị T kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố U trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian tìm hiểu trước khi kết hôn khoảng 02 tháng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tổ 7, khu 1, phường T, thành phố Uông Bí. Cuộc sống hôn nhân của vợ chồng diễn ra bình thường đến tháng 7 năm 2024 anh S phát hiện ra chị T có nhắn tin, gọi điện yêu đương, ngoại tình với người khác từ khoảng tháng 4 năm 2024. Hiện tại chị T và anh S đã sống ly thân. Anh S nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng nhưng anh S vẫn còn tình cảm với chị T và không muốn vợ chồng ly hôn. Nếu chị T kiên quyết xin ly hôn và đồng ý để anh S trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung thì anh S đồng ý.

Về con chung: có 02 con chung là Vũ Đức A, sinh ngày 26/4/2018 và Vũ Phú T, sinh ngày 02/02/2020. Nếu Tòa án cho ly hôn, anh S đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Anh S xác định có đủ điều kiện nuôi con chung chu đáo không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung: không có tài sản chung, không vay nợ chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 10-02-2025 của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh - bà Hoàng Thị Thanh H (trưởng khu 1, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh), bà H cung cấp sự việc:

Chị Vũ Thị Huyền T và anh Vũ Văn S là công dân cư trú tại tổ 7, khu 1, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Chị T và anh S kết hôn năm 2017. Quá trình vợ chồng chung sống đến khoảng giữa năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng chị T và anh S đã sống ly thân từ khoảng tháng 7 năm 2024 cho đến nay. Nay, chị T đề nghị ly hôn anh S, bà H đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về con chung: trong quá trình chung sống anh S và chị T có 02 con chung là Vũ Đức A sinh năm 2018 và Vũ Phú T1 sinh năm 2020. Bà H đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề con chung của chị T và anh S theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố Tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của các đương sự: nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70,71,72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vũ Thị Huyền T, cho chị T được ly hôn anh Vũ Văn S; giao con chung Vũ Đức A, sinh ngày 26/4/2018 cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ tháng 3/2025 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung Vũ Phú T1, sinh ngày 02/02/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ tháng 3/2025 đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh S và chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau; về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Vũ Thị Huyền T khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Vũ Văn S và cung cấp các tài liệu làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án theo quy định. Bị đơn anh Vũ Văn S cư trú tại tổ 7, khu 1, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 vụ việc thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: chị T và anh S kết hôn từ năm 2017 cho đến nay là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Hội đồng xét xử xét thấy, để cuộc sống vợ chồng hôn nhân tồn tại, mục đích hôn nhân đạt được thì phải xuất phát từ ý chí, nguyện vọng của hai bên vợ chồng, tình cảm phải trên cơ sở tự nguyện từ hai phía, phải thương yêu, quý trọng, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ và tin tưởng nhau cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc. Tuy nhiên, chị T và anh S phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm. Chị T và anh T đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2024 cho đến nay, mỗi người sống một nơi không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh S đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, chị T gửi đơn xin ly hôn anh S là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[2.2] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: chị T và anh S có 02 con chung là Vũ Đức A, sinh ngày 26/4/2018 và Vũ Phú T1, sinh ngày 02/02/2020. Quan điểm của

chị T khi ly hôn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Phú T1, anh S được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Đức A, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Quan điểm của anh S khi ly hôn được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con. Anh S không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét yêu cầu nuôi dưỡng con chung của chị T và anh S thì thấy: chị T đang làm công nhân tại Công ty TNHH Yayaki, mức thu nhập bình quân từ 6.000.000 đến 7.000.000 đồng/tháng. Chị T hiện đang ở với bố mẹ đẻ tại tổ 3, khu T, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Anh S hiện đang làm công việc xây dựng. Theo anh S trình bày mức lương thu nhập từ 50.000.000đ đến 70.000.000đ/tháng, công việc của mình là do anh S tự đứng ra làm chủ và thuê công nhân (không thành lập công ty, không có mức lương cụ thể) nên không có tài liệu chứng minh mức thu nhập cung cấp cho Tòa án. Hiện anh S đang ở cùng bố mẹ tại tổ 7, khu 1, phường Trung Vương, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Như vậy, chị T và anh S đều có chỗ ở ổn định, có đủ điều kiện để đảm bảo nuôi con. Chị T và anh S đều không thuộc trường hợp không đủ điều kiện để nuôi con.

Để đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của con chung cũng như quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con, Hội đồng xét xử giao cháu Vũ Đức A, sinh ngày 26/4/2018 cho anh Vũ Văn S được trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Vũ Phú T1, sinh ngày 02/02/2020 cho chị Vũ Thị Huyền T được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung và khoản vay nợ chung: các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: chị T phải chịu án phí dân sự tranh chấp hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Vũ Thị Huyền T về việc xin ly hôn anh Vũ Văn S.

Tuyên xử:

- 1. Về quan hệ hôn nhân:** chị Vũ Thị Huyền T được ly hôn anh Vũ Văn S.

2. Về con chung: giao con chung Vũ Đức A, sinh ngày 26-4-2018 cho anh Vũ Văn S trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 3 năm 2025 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung Vũ Phú T1, sinh ngày 02-02-2020 cho chị Vũ Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 3 năm 2025 cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị Vũ Thị Huyền T, anh Vũ Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, đương sự không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Đồng thời, đương sự không trực tiếp nuôi dưỡng con chung không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: chị Vũ Thị Huyền T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002750 ngày 14-10-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND TP Uông Bí;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Uông Bí;
- UBND phường T, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh (Nơi ĐKKH).
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Huy Hùng

